

令和 5 年 9 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場污水处理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯浅敏晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	18.0 t	7.83	8.8 cm	23.2 °C	
放流水量	18.4 t	7.72	50.0 cm	23.2 °C	

(平均値＝別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	283 KWH	3,120 KWH	6.35 t	
日平均使用量	9.1 KWH	100.6 KWH	0.20 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	小計
月計	7台: 1.89t	17台: 30.96t	26台: 17.69t	6台: 18.38t	1台: 2.44t	57台: 71.36 t
前月累計	46台: 17.13t	126台: 217.51t	165台: 107.55t	42台: 159.79t	6台: 15.49t	385台: 517.47 t
年度計	53台: 19.02t	143台: 248.47t	191台: 125.24t	48台: 178.17t	7台: 17.93t	442台: 588.83 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	t	57台: 71.36 t
前月累計	t	385台: 517.47 t
年度計	t	442台: 588.83 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	52台	178 m ³
前月累計	120台	1,294 m ³
年度計	172台	1,472 m ³

項目	日
搬入日数	14
日平均搬入数量	5.10 t

月	ごみ埋立量	搬入台数
4	92.84 t	68台
5	120.96 t	94台
6	100.28 t	74台
7	96.14 t	74台
8	107.25 t	75台
9	71.36 t	57台
10	t	台
11	t	台
12	t	台
1	t	台
2	t	台
3	t	台
計	588.83 t	442台

薬品名	使用量
スケール分散剤	20.00 kg
凝集剤 パック	100.00 kg
凝集助剤 ポリマ	0.60 kg
固形塩素剤	2.00 kg
脱水助剤 104	kg
脱水助剤 94b	kg
アワゼロン	kg
清缶剤	kg
並塩	kg
リン酸	kg
保護マット	枚
汚泥量	m ³
脱水ケーキ量	t
脱水機運転時間	H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	雨	24 °C	24 °C	22 °C
2		°C	°C	°C
3		°C	°C	°C
4	曇	22 °C	23 °C	17 °C
5	曇	21 °C	26 °C	20 °C
6	曇	25 °C	27 °C	22 °C
7	晴	22 °C	25 °C	18 °C
8	晴	22 °C	27 °C	12 °C
9		°C	°C	°C
10		°C	°C	°C
11	晴/曇	25 °C	26 °C	17 °C
12	曇/雨	24 °C	24 °C	22 °C
13	曇	24 °C	27 °C	21 °C
14	雨	20 °C	20 °C	19 °C
15	晴	20 °C	23 °C	15 °C
16		°C	°C	°C
17		°C	°C	°C
18		°C	°C	°C
19	曇/晴	21 °C	23 °C	16 °C
20	晴	23 °C	23 °C	19 °C
21	曇	14 °C	19 °C	13 °C
22	晴	18 °C	22 °C	13 °C
23		°C	°C	°C
24		°C	°C	°C
25	曇	16 °C	21 °C	10 °C
26	晴	19 °C	22 °C	15 °C
27	晴	19 °C	24 °C	14 °C
28	曇/雨	18 °C	19 °C	16 °C
29	晴/雨	19 °C	23 °C	13 °C
30		°C	°C	°C